

Số: 17 /2026/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2026

THÔNG TƯ

Ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây viết tắt là Quỹ).

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tùy theo tình hình thực tế ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ thuộc phạm vi quản lý, phù hợp với nội dung được quy định tại Điều lệ mẫu, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Quỹ đã được thành lập và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ được ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực, cần thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này và quy định của pháp luật có liên quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 4 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung. *Chức vụ*

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 57;
- Viện KSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, Sở Tài chính, Sở KH&CN cấp tỉnh;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục KTVB và TCTH pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng pháp luật quốc gia;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, PC, NAFOSTED.

BỘ TRƯỞNG



Vũ Hải Quân

ĐIỀU LỆ MẪU
VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA BỘ, CƠ QUAN
NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ, CƠ QUAN KHÁC
Ở TRUNG ƯƠNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH
(Kèm theo Thông tư số 17 /2026/TT-BKHCN ngày 13 tháng 4 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý

1. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đơn vị do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Tên gọi của Quỹ bao gồm: tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt; tên giao dịch quốc tế (nếu có).

Điều 2. Mục tiêu hoạt động của Quỹ

1. Quỹ được thành lập nhằm góp phần thúc đẩy phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực trung tâm của mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tập trung giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và mức độ tự chủ của nền kinh tế.

2. Quỹ thực hiện tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

3. Hoạt động quản lý của Quỹ hướng tới kết quả đầu ra, gắn với nhu cầu của thị trường; góp phần hình thành hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới

sáng tạo hiệu quả, liên kết giữa Nhà nước - Viện, Trường - Doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Hoạt động của Quỹ phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm; kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính của Quỹ từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, hiệu quả, tiết kiệm; không tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân đã nhận tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ từ các nguồn tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ khác của Nhà nước cho cùng một hạng mục; không hỗ trợ chi phí cho các tổ chức, cá nhân đã đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho Quỹ; đẩy mạnh áp dụng cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

3. Quỹ phân bổ và điều chỉnh kinh phí trong phạm vi tổng mức kinh phí được cấp để xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với định hướng ưu tiên và cơ cấu phân bổ đã được xác định. Ngân sách nhà nước sử dụng cho hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ được bố trí theo nguyên tắc giảm dần theo mức độ phát triển công nghệ và khả năng huy động nguồn lực ngoài ngân sách.

4. Hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả; gắn với nhu cầu của thị trường; lấy doanh nghiệp làm trung tâm; ưu tiên đặt hàng để giải quyết các vấn đề thực tiễn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực và kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, bình đẳng, không phân biệt đối xử; bảo đảm lựa chọn đúng tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm phù hợp; quy trình lựa chọn phù hợp với tính chất của từng loại hình nhiệm vụ; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong các hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tư vấn đánh giá.

6. Quỹ thực hiện quản lý hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ trên cơ sở kết quả đầu ra theo các mốc đánh giá, hiệu quả và tác động; phù hợp với đặc thù, mức độ rủi ro của từng nhiệm vụ; khuyến khích sáng tạo, đổi mới, tôn trọng quy luật khách quan và tính đặc thù của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cho phép điều chỉnh, tiếp tục hoặc chấm dứt nhiệm vụ trên cơ sở kết quả đánh giá theo các mốc thực hiện.

7. Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, các công cụ hỗ trợ khác trong

việc xây dựng kế hoạch, quản lý, giám sát, đánh giá và công khai việc sử dụng nguồn lực tài chính nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

8. Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát chuyên môn và tài chính theo đúng quy định của pháp luật.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA QUỸ

Điều 4. Chức năng

1. Tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (sau đây viết tắt là hỗ trợ hoạt động thông qua Quỹ).

3. Thực hiện chức năng khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Nhiệm vụ của Quỹ

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn tài chính của Quỹ.

b) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch hoạt động và nhu cầu kinh phí từ ngân sách nhà nước hằng năm của Quỹ; kế hoạch tài chính hằng năm đối với các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân; quy chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quỹ.

c) Nghiên cứu, tham mưu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành định hướng ưu tiên và các văn bản khác phục vụ quản lý, triển khai hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ của Quỹ.

d) Tài trợ, đặt hàng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu

khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

đ) Hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

e) Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

g) Thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định của pháp luật có liên quan.

h) Thực hiện đồng tài trợ với các quỹ, doanh nghiệp hoặc tổ chức khác trong việc triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

i) Quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản của Nhà nước được giao và các nguồn lực khác; quản lý tổ chức và lao động theo quy định của pháp luật.

k) Thực hiện báo cáo đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của Quỹ với cơ quan chủ quản hằng năm theo quy định.

l) Chuyển đổi số toàn diện công tác điều hành, quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Quỹ tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, bảo đảm trực tuyến, toàn trình, minh bạch.

m) Thực hiện thu thập, cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung; sử dụng Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.

n) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến hoạt động của

Quỹ theo quy định của pháp luật.

o) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn của Quỹ

a) Ban hành theo thẩm quyền các văn bản có liên quan đến việc tài trợ, đặt hàng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; và hỗ trợ hoạt động thông qua Quỹ.

b) Quản trị rủi ro trong thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đánh giá hiệu quả, tác động của việc thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các hoạt động thông qua Quỹ. Kết quả đánh giá là cơ sở để điều chỉnh kế hoạch tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, phân bổ nguồn lực và cải tiến hoạt động quản trị của Quỹ.

d) Đình chỉ hoặc trình cấp có thẩm quyền đình chỉ việc tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ hoặc thu hồi kinh phí đã tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan.

đ) Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, tổ chức quốc tế liên quan đến các hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

e) Ký hợp đồng, thỏa thuận hợp tác, thuê tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học và các cá nhân đề tư vấn cho Quỹ trong hoạt động quản lý, quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ.

g) Xem xét, quyết định việc thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc sử dụng kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được Quỹ đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ.

h) Ban hành quy chế nội bộ, quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

i) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính của Quỹ theo mục tiêu, phạm vi hoạt động được giao và quy định của pháp luật.

k) Thực hiện các quyền hạn khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức của Quỹ

1. Tổ chức của Quỹ gồm Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ và Ban Kiểm soát Quỹ.

2. Cơ cấu tổ chức của Cơ quan điều hành Quỹ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Điều 7. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có chức năng tư vấn, định hướng và giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Quỹ.

2. Hội đồng quản lý Quỹ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập theo thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

3. Hội đồng quản lý Quỹ gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên, làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Căn cứ vào quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là các nhà quản lý, nhà khoa học, đại diện doanh nghiệp, chuyên gia có uy tín, am hiểu lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tài chính và không thuộc trường hợp bị cấm đảm nhiệm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

5. Nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Tư vấn, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt:

a1) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

a2) Phương hướng, kế hoạch hoạt động, định hướng ưu tiên tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ hằng năm của Quỹ;

a3) Cơ cấu ngân sách nhà nước hằng năm cho hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

b) Giám sát, kiểm tra hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang

Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

6. Quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

- a) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên của Ban Kiểm soát Quỹ.
- b) Ban hành quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ.
- c) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát.
- d) Cho ý kiến đối với danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trước khi Cơ quan điều hành Quỹ quyết định phê duyệt tài trợ, đặt hàng.
- đ) Cho ý kiến đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- e) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- g) Hội đồng quản lý Quỹ sử dụng bộ máy và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ này.

7. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được tính vào kinh phí chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và kinh phí chi quản lý của Quỹ.

Điều 8. Cơ quan điều hành Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật trong các hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Quỹ.

2. Trách nhiệm của Cơ quan điều hành Quỹ

- a) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy chế quản lý kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ được quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
- c) Định kỳ hằng năm lập báo cáo đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở các kết quả, hiệu quả của các hoạt động đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ.
- d) Quản lý nhân sự, hồ sơ, tài sản, dữ liệu của Quỹ; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- đ) Thực hiện các trách nhiệm khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Nhiệm vụ của Giám đốc Quỹ

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Cơ quan điều hành Quỹ.

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ; thực hiện các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ và theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

d) Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Quyết định thành lập các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thuê chuyên gia tư vấn độc lập; thuê tổ chức có chức năng phù hợp để tư vấn trong quá trình thực hiện các hoạt động của Quỹ.

b) Quyết định phê duyệt tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ đối với các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ.

c) Ký kết, tổ chức thực hiện hợp đồng giao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ hoạt động thông qua Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Tham gia, có ý kiến tại các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

đ) Ban hành các quy định nội bộ, quy chế quản lý phục vụ hoạt động của Quỹ trong phạm vi thẩm quyền.

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc.

g) Thực hiện các quyền hạn khác theo phân công, ủy quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc Trưởng cơ quan tài chính của Quỹ giúp Giám đốc Quỹ điều hành một số lĩnh vực, nhiệm vụ theo phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

6. Kinh phí hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ được tính vào kinh phí chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và kinh phí chi quản lý của Quỹ.

Điều 9. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát Quỹ

a) Thành viên của Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

b) Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Thành viên Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về lĩnh vực tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, pháp luật, không thuộc trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

c) Thành viên của Ban Kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng hoặc Trưởng cơ quan tài chính của Quỹ.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Quỹ

a) Giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ.

b) Kiểm tra và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ về việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

c) Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán của Cơ quan điều hành Quỹ. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ theo quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

d) Xem xét, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ về khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định.

đ) Các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ giao.

3. Quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

a) Thực hiện kế hoạch đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua; trường hợp cần thiết được phép mời tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao; được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Quỹ (nếu có).

b) Yêu cầu Cơ quan điều hành Quỹ cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin; được tiếp cận các tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

c) Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ các vấn đề phát hiện từ hoạt động kiểm tra, giám sát.

4. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ hoặc ủy viên của Ban Kiểm soát Quỹ được Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ ủy quyền được tham gia, có ý kiến tại các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ

ban hành.

6. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ được tính vào kinh phí chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và kinh phí chi quản lý của Quỹ.

Điều 10. Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Giám đốc Quỹ thành lập, có chức năng tư vấn, đánh giá các hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ của Quỹ theo quy định của pháp luật và tư vấn các nội dung khác theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

2. Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật có liên quan.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính vào kinh phí chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quỹ.

Điều 11. Đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Quỹ phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoặc các quỹ khác tham gia đóng góp nguồn lực tài chính để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khuyến khích hình thành cơ chế đồng tài trợ giữa Nhà nước - Viện, Trường - Doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, có khả năng ứng dụng hoặc thương mại hóa kết quả, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm đồng tài trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Tỷ lệ đồng tài trợ được xác định căn cứ vào tính chất, mục tiêu và mức độ phát triển công nghệ của nhiệm vụ, bảo đảm nguyên tắc:

a) Ngân sách nhà nước ưu tiên hỗ trợ ở giai đoạn nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và hoàn thiện công nghệ;

b) Tỷ lệ vốn từ ngân sách nhà nước giảm dần, tỷ lệ kinh phí đồng tài trợ tăng dần theo mức độ phát triển công nghệ và khả năng thương mại hóa.

4. Việc quản lý, sử dụng và kiểm soát nguồn vốn đồng tài trợ được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên tham gia, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách, đầu tư công, đối tác công tư và cơ chế tài chính có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Chương III**QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, GIÁM SÁT VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO****Điều 12. Nguồn tài chính của Quỹ**

1. Nguồn ngân sách nhà nước.
2. Các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 13. Nội dung chi của Quỹ

Nội dung chi của Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Điều 14. Lập dự toán; quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng, tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động thông qua Quỹ

1. Lập dự toán chi sự nghiệp cho các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

2. Việc cấp kinh phí cho các chương trình, nhiệm vụ, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dựa trên kết quả đánh giá định kỳ tối thiểu 01 lần một năm hoặc theo các mốc đánh giá gắn với tiến độ, kết quả đầu ra quy định tại hợp đồng ký kết với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động thông qua Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Quỹ phân bổ và điều chỉnh kinh phí trong phạm vi tổng mức kinh phí được cấp để xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với định hướng ưu tiên và cơ cấu phân bổ đã được xác định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 15. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách của Quỹ

1. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân cho Quỹ được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

2. Báo cáo, giám sát và kiểm tra

a) Quỹ có trách nhiệm công khai thông tin về việc tiếp nhận và sử dụng các

nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về kế toán, ngân sách nhà nước và các quy định về công khai tài chính.

b) Việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước của Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ

1. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và kế toán.

2. Quỹ tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và quy chế nội bộ của Quỹ.

3. Quỹ lập và nộp báo cáo tài chính hằng năm cho cơ quan chủ quản để thực hiện xét duyệt quyết toán; cơ quan chủ quản tổng hợp quyết toán và gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ thực hiện chuyển nguồn kinh phí dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Quỹ thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc quản lý, sử dụng kinh phí và đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của Quỹ. Kinh phí thuê kiểm toán độc lập được bố trí trong dự toán chi hoạt động quản lý của Quỹ.

6. Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát về tài chính của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 17. Kiểm tra, giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình

1. Cơ quan điều hành Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

2. Đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

3. Quỹ có trách nhiệm giải trình về các hoạt động thuộc phạm vi quản lý và điều hành của Quỹ theo quy định pháp luật.

Điều 18. Quản trị rủi ro trong thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Quỹ quản trị rủi ro trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; việc đánh giá kết quả nhiệm vụ phải phù hợp với đặc thù, mức độ rủi ro và mục tiêu của từng loại hình nhiệm vụ.

2. Xác định tuân thủ quy trình và chấp nhận rủi ro được thực hiện như sau:

a) Việc xác định tổ chức chủ trì, cá nhân thực hiện nhiệm vụ đã tuân thủ đầy đủ quy định về quản lý nhiệm vụ, quy trình kỹ thuật, nội dung nghiên cứu và các biện pháp phòng ngừa rủi ro được thực hiện thông qua đánh giá chuyên môn của Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc chuyên gia độc lập theo quy định tại Điều 10 Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

b) Kết quả đánh giá của Hội đồng hoặc chuyên gia độc lập phải được lập thành biên bản, trong đó nêu rõ:

b1) Mức độ tuân thủ quy định, quy trình và nội dung nghiên cứu đã được phê duyệt;

b2) Các yếu tố khách quan, rủi ro không lường trước được phát sinh trong quá trình thực hiện;

b3) Kết luận về việc nhiệm vụ không đạt mục tiêu (nếu có) là do nguyên nhân khách quan hay chủ quan.

c) Biên bản đánh giá của Hội đồng hoặc chuyên gia độc lập là căn cứ để Quỹ xem xét:

c1) Quyết định tiếp tục, điều chỉnh hoặc chấm dứt nhiệm vụ;

c2) Xem xét việc chấp nhận rủi ro theo quy định của pháp luật;

c3) Xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan.

d) Trường hợp Hội đồng hoặc chuyên gia độc lập kết luận tổ chức chủ trì, cá nhân thực hiện nhiệm vụ đã tuân thủ đầy đủ quy định và quy trình, rủi ro dẫn đến kết quả không đạt mục tiêu được xem xét là rủi ro khách quan theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc xem xét, kết luận cuối cùng về chấp nhận rủi ro và xử lý trách nhiệm thuộc thẩm quyền của Quỹ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Rủi ro dẫn đến thiệt hại cho nhà nước được chấp nhận trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Rủi ro dẫn đến kết quả không đạt mục tiêu đề ra được chấp nhận trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước là loại rủi ro không lường trước được, phát sinh từ bản chất của vấn đề nghiên cứu, phát sinh từ môi trường bên ngoài, phát sinh trong quá trình thực hiện mặc dù tổ chức thực hiện nhiệm vụ đã tuân thủ đầy đủ quy định quản lý nhiệm vụ, quy trình thực hiện, nội dung nghiên cứu, biện pháp phòng ngừa rủi ro theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

5. Việc chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và Nghị định số

267/2025/NĐ-CP.

6. Quỹ quản trị rủi ro theo từng giai đoạn phát triển của nhiệm vụ thông qua các mốc thực hiện. Việc đánh giá, kiểm soát và xử lý rủi ro tương ứng với từng mốc thực hiện và kết quả theo mốc, là căn cứ để quyết định tiếp tục, điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ.

7. Quản trị rủi ro trong việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì, cá nhân thực hiện nhiệm vụ

1. Sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích.
2. Tổ chức, cá nhân tự kê khai và chịu trách nhiệm về các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ.
3. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, các chế độ do Quỹ quy định và các quy định pháp luật khác có liên quan.
4. Triển khai việc ứng dụng và thương mại hóa, phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật.
5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ của Quỹ có hiệu lực thi hành theo quy định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại văn bản ban hành Điều lệ./.